TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Võ Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 722/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm: 1975

Địa chỉ: đường BL, Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh V, sinh năm: 1978

Địa chỉ: đường LCH, Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn là bà Võ Thị D trình bày: bà và ông Võ Thanh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, TP. Hồ Chí Minh ngày 09/3/2006.

Sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, ông bà sống chung với gia đình bà D, thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông V thường hay nhậu nhẹt,

mượn nợ không trả, làm cho chủ nợ đến nhà bà đòi nợ, la lối, gây ảnh hưởng không tốt đến gia đình, cha mẹ của bà, bà phải đứng ra trả nợ để không ảnh hưởng đến gia đình bà. Những mâu thuẫn này cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng bà, nhưng bà vẫn cố gắng khuyên giải ông V, bỏ qua những mâu thuẫn đó để cùng nuôi dạy con. Khoảng tháng 8/2017 thì bà D phát hiện ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà biết được thông qua các tin nhắn mà ông V và người phụ nữ đó nhắn qua lại với nhau, sau đó, bà D đã nhiều lần gạn hỏi, ông V cũng thừa nhận là ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Việc ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không phải lần đầu, trước đây ông V cũng có quan hệ tình cảm nhiều lần, với nhiều người phụ nữ khác, nhưng khi bà D khuyên nhủ thì ông cũng đồng ý chấm dứt mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ đó. Nhưng đến lần này, dù bà D đã nhiều khuyên giải ông V để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, ông V vẫn còn liên lạc với người phụ nữ đó. Do đó, ông bà thường xuyên phát sinh tranh cãi, làm ảnh hưởng đến cuộc sống và việc học hành của con chung. Tại phiên tòa, bà D trình bày: hiện nay, ông V không còn sống chung với bà nữa mà sống ở đâu bà không rõ, tuy một hai ngày ông V có về nhà thăm con một lần, nhưng ông bà đã không còn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ lúc bà nộp đơn ly hôn cho đến nay.

Nay bà D xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị D yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh V.

- Về con chung: bà D trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Võ Hoàng Bảo T (nữ) sinh ngày 22/02/2007, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà D khai không có.

- Về nợ chung: bà D khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông V đến Tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa.

Ngày 10/5/2018, ông V đến Tòa nhận giấy triệu tập tham gia phiên Tòa lần thứ nhất và có làm bản tự khai, theo đó, ông V trình bày: ông và bà D sống chung từ năm 2006, trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Võ Hoàng Bảo T, sinh năm 2007; ông V không đồng ý ly hôn; ông V không có ý kiến về việc ai nuôi con, ông V trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa ngày 24/5/2018 và ngày 22/6/2018, ông V vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của trẻ Võ Hoàng Bảo T, cũng đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Võ Thanh V và tình trạng hôn nhân của bà D và ông V tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà D được ly hôn với ông V là phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: bà D và ông V khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, TP. Hồ Chí Minh ngày 09/3/2006 thì bà Võ Thị D và ông Võ Thanh V có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà D có đơn xin ly hôn với ông V cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà D thì trong thời gian sống chung với nhau vợ chồng bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông V cũng không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, hiện nay, ông V không còn sống chung với bà nữa mà sống ở đâu bà không rõ, tuy một hai ngày ông V có về nhà thăm con một lần, nhưng ông bà đã không còn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ lúc bà nộp đơn ly hôn cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, cuộc hôn nhân của bà không hạnh phúc, bản thân bà không còn tình cảm với ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông V đến Tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa.

Ngày 10/5/2018, ông V đến Tòa nhận giấy triệu tập tham gia phiên Tòa lần thứ nhất và có làm bản tự khai, theo đó, ông V trình bày: ông và bà D sống chung từ năm 2016, trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Võ Hoàng Bảo T, sinh năm 2007; ông V không đồng ý ly hôn; ông V không có ý kiến về việc ai nuôi con, ông V trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia

đình…" nhưng giữa vợ chồng bà D và ông V không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; bà D trình bày ông V không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà D xác định không còn tình cảm với ông V, tuy ông V trình bày không đồng ý ly hôn, nhưng ông V lại không có biện pháp hữu hiệu cải thiện mâu thuẫn của vợ chồng, không có biện pháp để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời cả ông V và bà D đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông V không đến Tòa làm việc, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông V đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà D được ly hôn với ông V là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà D và ông V có 01 con chung tên Võ Hoàng Bảo T (nữ) sinh ngày 22/02/2007, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông V không có ý kiến về việc nuôi con, trẻ Bảo T là nữ, hiện nay trẻ cũng đang sống chung và được bà D nuôi dưỡng, chăm sóc, vì vậy Hội đồng nhận thấy tiếp tục giao trẻ T cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông V khai không có nên không đề cập giải quyết.

[5]Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Võ Thị D nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D được ly hôn với ông Võ Thanh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2006, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, TP. Hồ Chí Minh ngày 09/3/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng Bảo T (nữ) sinh ngày 22/02/2007 cho bà Võ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Võ Thị D có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông V đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà D và ông V khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Võ Thị D nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028262 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Võ Thanh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Thị Hồng Nga
(đã ký tên và đóng dấu)